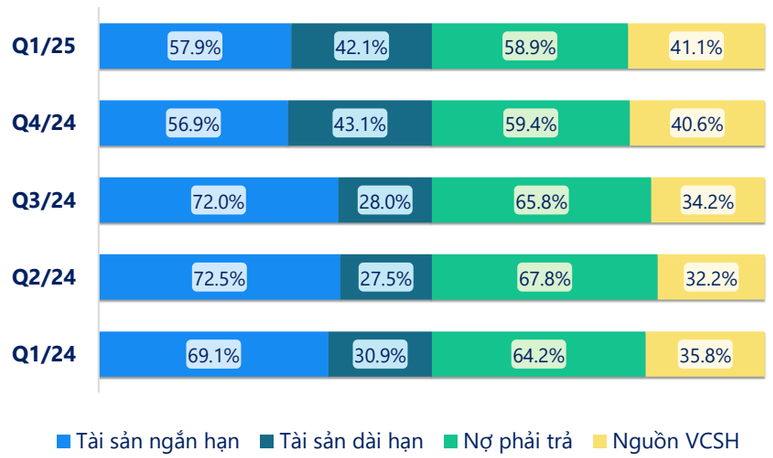
FireAnt

CTCP Than Cao Sơn - TKV (HNX: CST)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	23,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	42,846,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,245
% sở hữu nước ngoài	5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	994
P/E	17.0
EPS	1,366

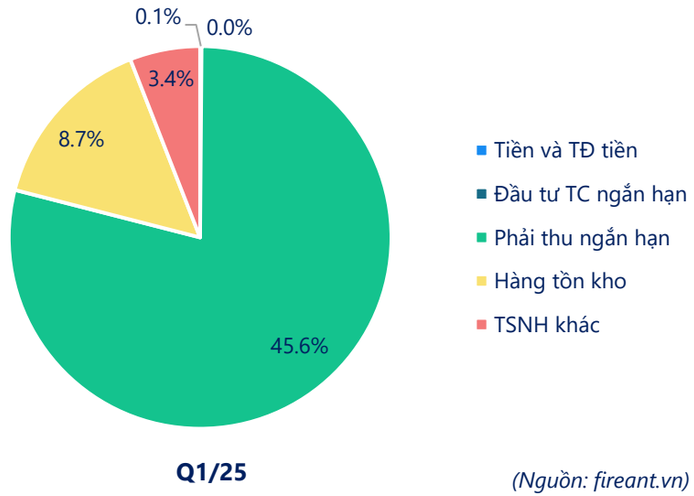
	YTD	1T	3T	6T
CST	-3.3%	1.8%	-7.6%	-7.9%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



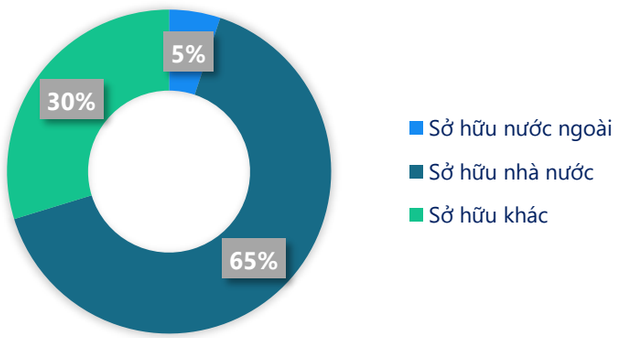
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



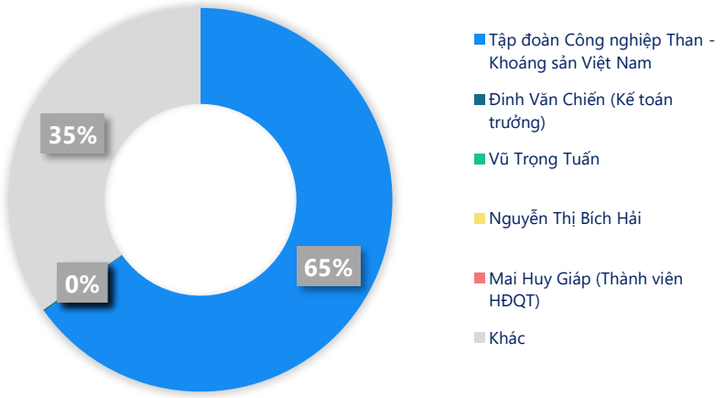
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



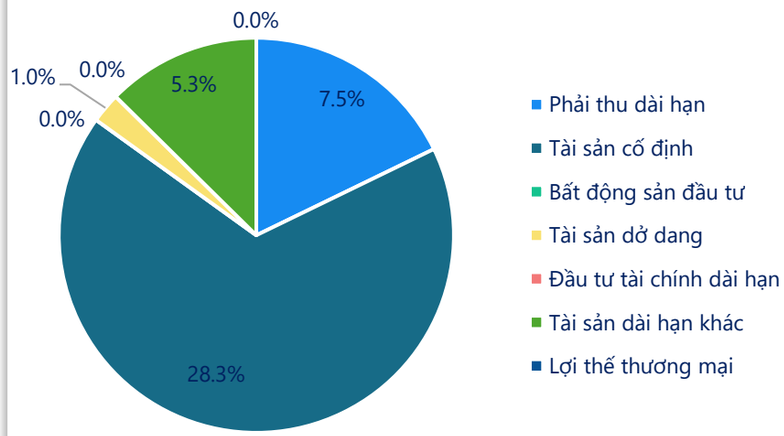
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

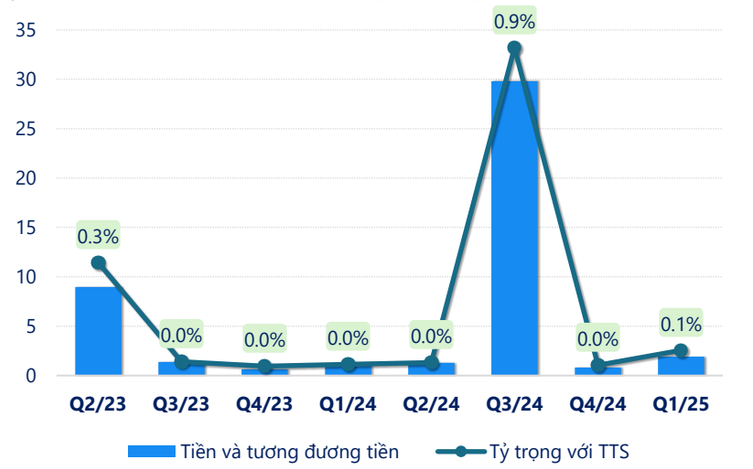


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

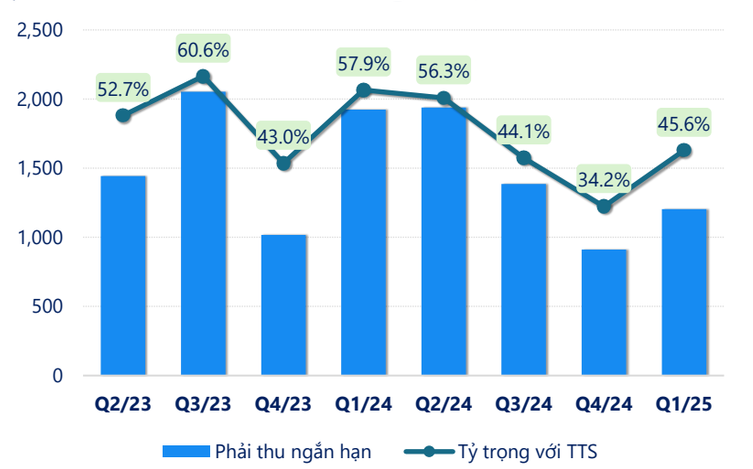
CTCP Than Cao Sơn - TKV (HNX: CST)

Tiền và tương đương tiền



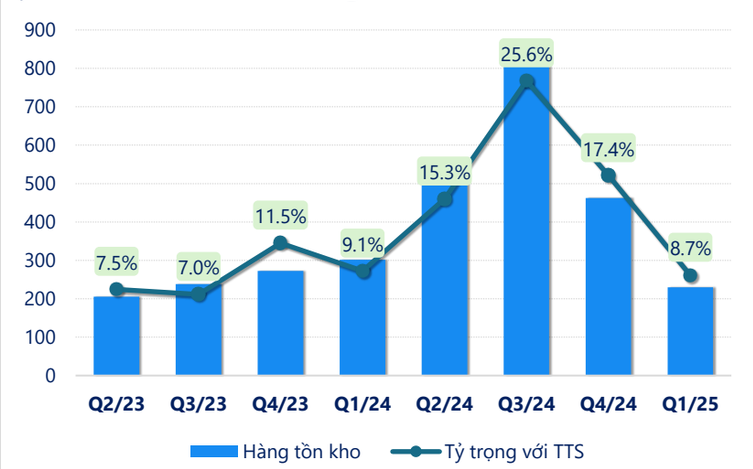
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



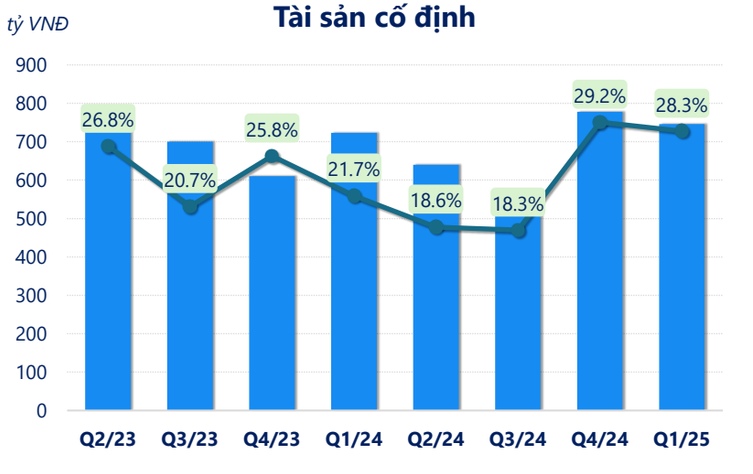
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



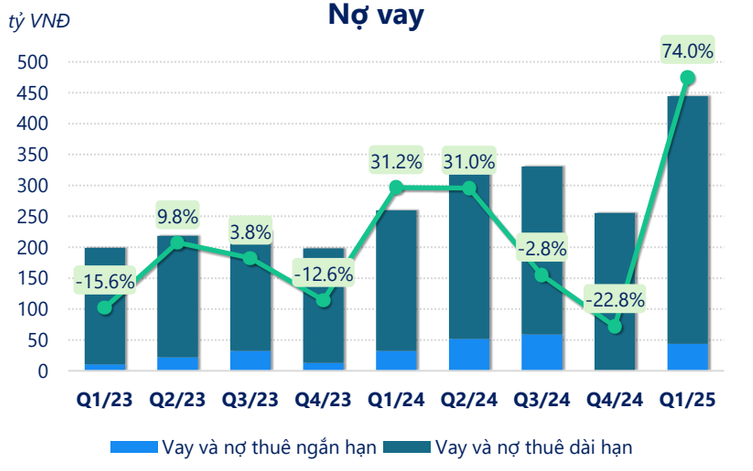
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



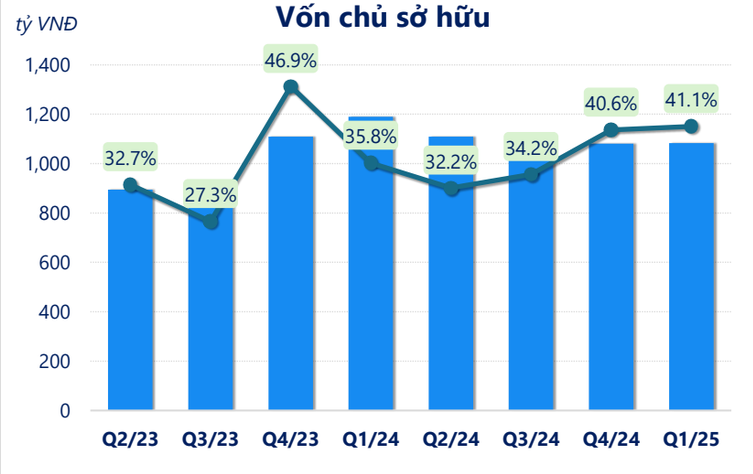
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

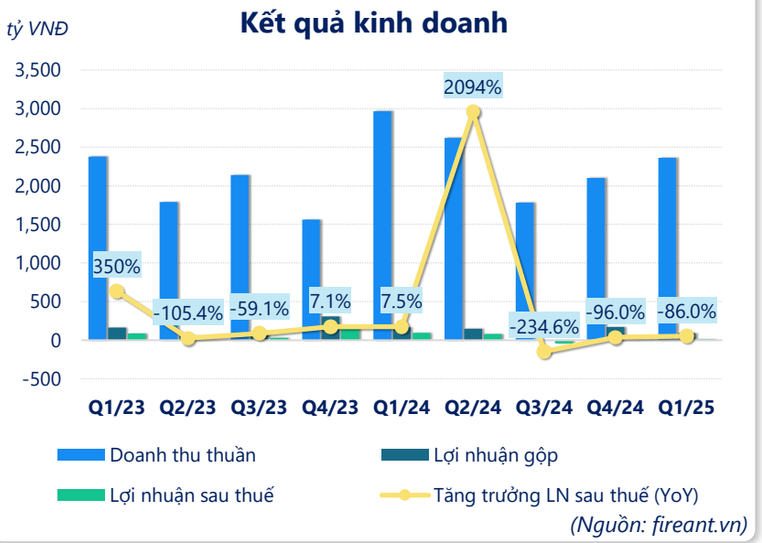
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

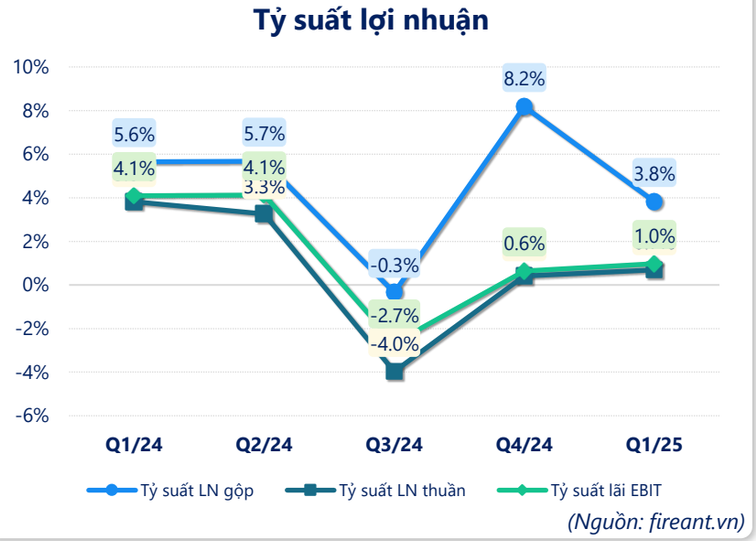
CTCP Than Cao Sơn - TKV (HNX: CST)

Kết quả kinh doanh



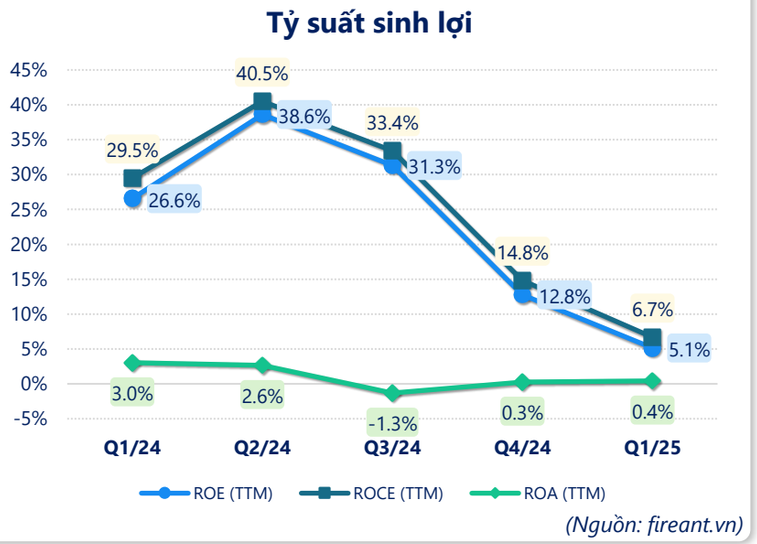
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



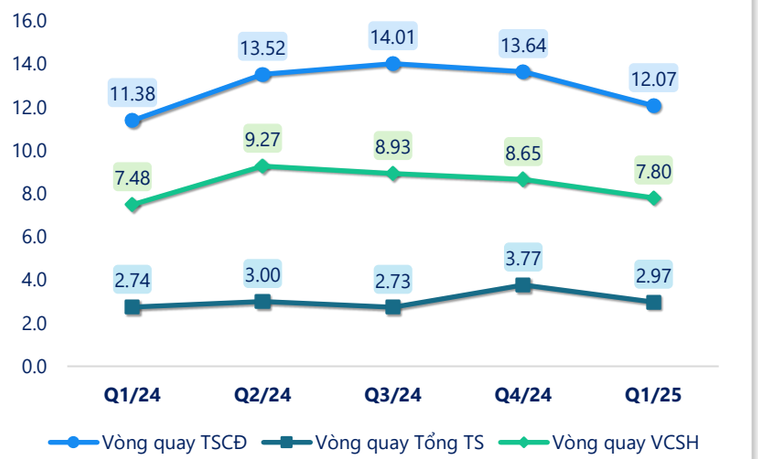
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



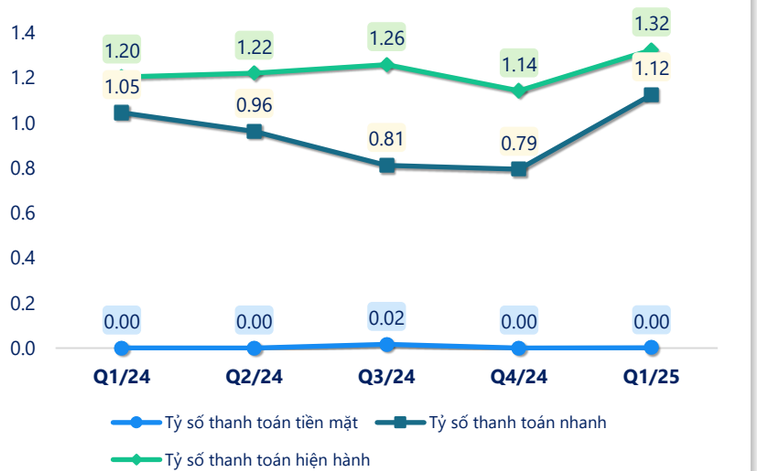
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



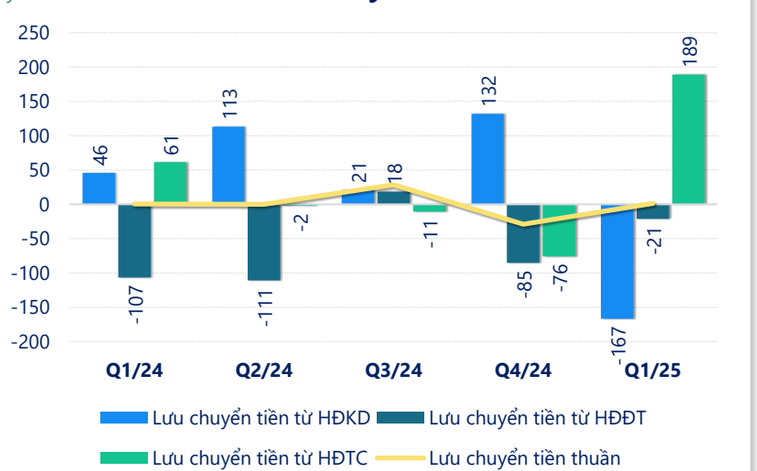
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Than Cao Sơn - TKV (HNX: CST)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,637**	**2,651**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,526	1,499	1.8%
Tiền và tương đương tiền	1.92	0.80	140%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,203	892	35.0%
Hàng tồn kho	230	462	-50.3%
Tài sản ngắn hạn khác	90.7	144	-37.0%
Tài sản dài hạn	**1,111**	**1,153**	**-3.6%**
Phải thu dài hạn	198	191	3.5%
Tài sản cố định	746	783	-4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	27.3	27.3	0.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**140**	**151**	**-7.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,553	1,581	-1.7%
Nợ ngắn hạn	**1,152**	**1,325**	**-13.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.7	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	479	899	-46.7%
Nợ dài hạn	401	255	56.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	401	255	56.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,083**	**1,071**	**1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,083**	**1,071**	**1.2%**
Vốn điều lệ	428	428	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	2,964	2,619	1,782	2,100	2,360
Giá vốn hàng bán	2,797	2,470	1,789	1,928	2,270
Lợi nhuận gộp	167	148	-6.17	172	90.2
Doanh thu HĐTC	1.37	1.47	1.43	1.43	1.49
Chi phí TC	3.79	5.49	5.87	4.85	7.11
Chi phí lãi vay	3.79	5.49	5.87	4.85	7.11
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.43	1.68	0.91	1.69	1.03
Chi phí QLDN	50.4	57.5	59.2	158	67.2
LN thuần từ HĐKD	113	85.3	-70.8	8.73	16.4
Lợi nhuận khác	4.34	17.2	17.4	-0.18	-0.37
LN trước thuế	118	102	-53.4	8.55	16.0
Lợi nhuận sau thuế	94.0	81.9	-42.8	6.69	12.7
LNST của CĐ cty mẹ	94.0	81.9	-42.8	6.69	12.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.8	113	21.0	132	-167
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-107	-111	18.4	-85.2	-21.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	61.3	-2.31	-10.8	-75.7	189
Tiền đầu kỳ	0.64	1.10	1.30	29.8	0.80
Lưu chuyển tiền thuần	**0.45**	**0.21**	**28.5**	**-29.0**	**1.12**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.10	1.30	29.8	0.80	1.92

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic